

GIỚI THIỆU LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHXH&NV

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

TRẦN VŨ TÀI. *Những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ từ 1884 đến 1945*

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại

Mã số: 62 22 54 05

Việt Nam vốn là nước nông nghiệp, trong đó đồng bằng Thanh Nghệ Tĩnh là đồng bằng lớn thứ ba của cả nước, có vị trí rất lớn đối với phát triển nông nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế-xã hội của cả nước nói chung. Việc nghiên cứu kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam nói chung hay từng khu vực nói riêng, qua đó hiểu được những thế mạnh hay những hạn chế, nhất là trong thời kỳ khi kinh tế hàng hoá thâm nhập vào Việt Nam, có giá trị khoa học sâu sắc đối với việc thực hiện công cuộc công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu sinh Trần Vũ Tài đã chọn vấn đề “những chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ từ 1884 đến 1945” làm đề tài luận án tiến sĩ sử học nhằm đóng góp một phần vào việc làm sáng tỏ hơn lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Đặc biệt là việc nghiên cứu sự chuyển biến trong kinh tế nông nghiệp Bắc Trung Kỳ thời kỳ thuộc Pháp còn có ý nghĩa bổ sung vào lịch sử vùng đất cách mạng Thanh Nghệ Tĩnh, bổ sung vào lịch sử kinh tế Việt Nam vốn đang còn nhiều mảng trống.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được chia làm 4 chương

Chương 1 *Vài nét về kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ trước năm 1884* (tr. 18 - 47) giới thiệu khái quát về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, và chính sách của triều Nguyễn về nông nghiệp... ở ba tỉnh Bắc Trung kỳ, coi đó là nền tảng, điểm xuất phát, và những thay đổi trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đồng thời từ đó thấy được sự chuyển biến kinh tế nông nghiệp của Bắc Trung kỳ ở các thời kỳ sau.

Tác giả cho rằng, so với Trung Trung kỳ và Nam Trung kỳ thì Bắc Trung kỳ là khu vực có nhiều khả năng để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng. Tài nguyên thiên nhiên phong phú, tiềm năng lao động dồi dào, Bắc Trung kỳ có thế mạnh trong việc trồng lúa, cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Bắc Trung kỳ lại nằm tiếp giáp với Bắc kỳ nên thu hút được sự quan tâm của các nhà canh nông Pháp trong quá trình khai thác thuộc địa (tr.50).

Phân tích những chính sách kinh tế nông nghiệp của triều Nguyễn trước năm 1884, tác giả cho thấy diện mạo của nền nông nghiệp phong kiến mang đậm đặc điểm châu Á về sở hữu ruộng đất, triều Nguyễn cố gắng bảo vệ ruộng đất công làng xã và coi đó là cơ sở kinh tế quan trọng của Nhà nước, nhưng xu hướng “biến công vi tư” vẫn phát triển; Trình độ canh tác nông nghiệp phân tán, lạc hậu, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, phụ thuộc tự nhiên, thuỷ lợi không đáng kể, nông cụ thô sơ; Nông nghiệp ở thế độc canh, lúa là cây trồng chủ đạo. Diện tích trồng lúa thất thường, phụ thuộc vào thời tiết. Tóm lại,

kinh tế nông nghiệp ở trạng thái tự cung, tự cấp, khép kín. Địa tô chủ yếu bằng hiện vật. Tín dụng gần như không có, thương nghiệp bị hạn chế. Yếu tố kinh tế hàng hoá không có điều kiện phát triển.

Tác giả nhận xét “Nông nghiệp Bắc Trung kỳ dưới thời Nguyễn vẫn nằm trong tình trạng lạc hậu, độc canh, tự cung tự cấp. Triều Nguyễn đã có nhiều biện pháp khuyến nông nhưng hiệu quả thấp, tình trạng hoang hoá diễn ra trầm trọng (tr.50).

Chương 2 *Những biến đổi bước đầu của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ* (tr.70-82), chia làm 2 phần: Điều kiện lịch sử mới và Những biến đổi bước đầu của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ.

Tác giả luận án đã tái hiện lại toàn cảnh, phân tích, đánh giá nền nông nghiệp Bắc Trung kỳ trong hơn 30 năm (1884-1918). Và nhận xét yếu tố kinh tế hàng hoá bước đầu thâm nhập nông nghiệp, tình trạng tự cung tự cấp ở vùng đồng bằng bị rạn vỡ. Chế độ sở hữu ruộng đất có một số biến đổi được thể hiện ở mô hình sở hữu lớn về ruộng đất phát triển; ruộng đất công bị thu hẹp.

Như vậy nông nghiệp Bắc Trung kỳ đã có những biến đổi bước đầu, thể hiện trước hết ở vấn đề sở hữu ruộng đất “sở hữu ruộng đất công làng xã vẫn được duy trì nhưng xu hướng ngày càng thu hẹp; “công điền công thổ” vốn là đất đai hoang hoá thuộc quyền trực tiếp của nhà nước Nguyễn bị chính quyền thuộc địa cấp nhượng cho thực dân lập đồn điền; loại hình sở hữu lớn của tư nhân xuất hiện. Về canh tác nông nghiệp, thì diện tích trồng lúa được mở rộng và ổn định, năng suất lúa đã có cải thiện; phương thức trồng trọt, chăn nuôi kết hợp bắt đầu phổ biến; cơ cấu nông

ng nghiệp đã có sự chuyển biến, nghề trồng cây công nghiệp (đặc biệt là cà phê) được chú ý, bước đầu phá vỡ thế độc canh lúa truyền thống ở Bắc Trung kỳ (tr.92).

Chương 3 *Kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ từ 1919 đến 1945* (tr.93 - 152), trình bày sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ trong giai đoạn này theo xu thế khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp với qui mô rộng lớn và mạnh mẽ hơn về vốn đầu tư, xây dựng hệ thống thuỷ nông hiện đại, phát triển thêm một số trạm nghiên cứu giống cây, vật nuôi trong vùng. Số lượng đồn điền tăng. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được mở rộng hơn. .. Theo tác giả luận án:

+ đầu tư của chính quyền thuộc địa đã có sự điều chỉnh, trong đó nông nghiệp là lĩnh vực được ưu tiên nhất;

+ kinh tế đồn điền phát triển mạnh không chỉ ở trung du mà mở rộng đến đồng bằng;

+ nông nghiệp có nhiều chuyển biến trên nhiều phương diện: Sở hữu ruộng đất: ruộng đất tập trung vào tay thực dân, địa chủ phong kiến ngày càng lớn, loại hình sở hữu lớn phát triển, ruộng đất công làng xã bị thu hẹp; Quan hệ sản xuất phong kiến đã biến đổi, quan hệ địa chủ, tá điền được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, quan hệ TBCN xuất hiện...

+ nông nghiệp đã chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá. Hàng nông sản được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường. Một số mặt hàng được bán ra ngoài khu vực hoặc xuất khẩu ra thị trường thế giới, nhiều nhất là Pháp (tr. 151).

Tác giả luận án khẳng định: So với khu vực Trung Trung kỳ và Nam Trung

kỳ, nông nghiệp Bắc Trung kỳ có sự chuyển biến mạnh. Các hoạt động khai khẩn của người Pháp ồ ạt từ Bắc kỳ vào và sự đầu tư xây dựng các hệ thống thủy nông tầm cỡ là những nhân tố thúc đẩy sự chuyển biến đó. So với Bắc kỳ, nông nghiệp Bắc Trung kỳ đa dạng hơn, khu vực này trở thành một trung tâm trồng cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc của cả nước (tr. 152).

Chương 4 *Xã hội nông thôn Bắc Trung kỳ dưới tác động của những chuyển biến kinh tế nông nghiệp* (tr. 153 - 191), được tác giả khái quát lại qua sự chuyển biến của các nghề thủ công truyền thống; Sự biến động về dân cư và mở mang địa bàn cư trú; Sự phân hoá giai cấp của xã hội nông thôn Bắc Trung kỳ và Đời sống của nông dân Bắc Trung kỳ.

Tác giả luận án phân tích và làm rõ ảnh hưởng của những biến đổi kinh tế nông nghiệp đến xã hội nông thôn Bắc Trung kỳ, biểu hiện ở những mặt sau:

- + Thúc đẩy sự biến động về dân cư;
- + Thúc đẩy sự phân hoá xã hội;
- + Nông dân Bắc Trung kỳ (chiếm hơn 95% dân số) phải sống dưới mức nghèo khổ.
- + Cuộc sống cơ cực của nông dân dưới ách cai trị, áp bức của thực dân, địa chủ càng làm gia tăng và gay gắt thêm mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, với đế quốc thực dân.

Trên cơ sở phân tích sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp Bắc Trung kỳ từ 1884 đến 1945, tác giả rút ra những bài học, đề xuất một số giải pháp, góp phần hoạch định chính sách để phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn khu vực này hiện nay. Tác giả nhấn mạnh tới những bài học kinh nghiệm, như: - Chính sách khuyến nông của chính quyền quyết định cho sự cải tiến

nông nghiệp. Một số công trình đại thủy nông thời thuộc Pháp đến nay vẫn đang phát huy tác dụng; - Việc sử dụng cây trồng, vật nuôi phù hợp sẽ thúc đẩy nông nghiệp phát triển; - Tìm đầu ra cho nông sản là một vấn đề quyết định đến sản xuất nông nghiệp; - Tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm rất quan trọng đối với nông nghiệp và đời sống nông thôn; - Vốn đầu tư của tư nhân có ý nghĩa thúc đẩy sự chuyển biến của kinh tế nông nghiệp. Các hoạt động canh nông cá thể góp phần làm cho nông nghiệp Bắc Trung kỳ phát triển năng động hơn”.

Đồng thời lưu ý tới 5 giải pháp: 1) Tiến hành dồn đất đổi thửa để thay đổi phương thức kinh doanh phân tán; 2) Sắp xếp lại các nông trường quốc doanh làm ăn thua lỗ, tiến hành cổ phần hoá để huy động các nguồn lực phát triển kinh tế; 3) Cho phép tư nhân đứng ra khai khẩn vùng đất còn hoang hoá hoặc mua đất lập các trang trại, bỏ vốn đầu tư kinh doanh nông nghiệp; 4) Chú trọng việc xây dựng các công trình thủy nông phục vụ sản xuất nông nghiệp, trước hết là cải tạo một số công trình thủy nông như đập Bái Thượng, đập Đô Lương..; 5) Đầu tư đúng mức cho việc nghiên cứu kỹ thuật nông nghiệp, xúc tiến thương mại, tìm đầu ra cho sản phẩm; xây dựng thương hiệu cho nông sản, nhất là một số đặc sản của khu vực” (tr. 197).

Luận án đã được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm Luận án cấp Nhà nước họp ngày 06/06/2007 tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẠM THU HOA
giới thiệu